TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 284/2024/DS-PT
Ngày 09 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dần, bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên –Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Bà Trương Thị Thu Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên toà số 252/2024/QĐ-PT ngày 20/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á; địa chỉ: D N, phường E, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ – Giám đốc Phòng Quản lý nợ.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Minh T.

Cùng địa chỉ: Lầu H, Tòa nhà A, D C, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: I T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

* Người kháng cáo: Ngân hàng TMCP Á.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:**

Ngày 11/7/2011 bà Nguyễn Thị H có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với A, A đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà H chi tiết như sau:

Số thẻ 5465554596006869 ngày 18/7/2011. Loại thẻ Master Vàng. Hiệu lực thẻ tháng 7 năm 2014. Hạn mức thẻ 50.000.000 đồng. Ngày NQH 20/01/2012. Lãi suất và phí theo giấy đề nghị cấp thẻ, bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng A. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị H đã không thanh toán đầy đủ cho A theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay và chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng trước hạn. Ngày 20/01/2012 A đã chuyển khoản thẻ tín dụng nêu trên sang nợ quá hạn. Do đó A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H trả số tiền 323.976.059 đồng, trong đó nợ gốc là 57.087.322 đồng và tiền lãi là 266.888.737 đồng tính đến ngày 25/4/2023 và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ, bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A kể từ ngày 26/4/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 220; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền 323.976.059 đồng. (Trong đó nợ gốc là 57.087.322 đồng và tiền lãi là 266.888.737 đồng tính đến ngày 25/4/2023) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ, bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A kể từ ngày 26/4/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định án phí theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/5/2024, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xe xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp các tài liệu thể hiện: Ngày 11/7/2011 bà Nguyễn Thị H có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (ngân hàng). Hạn mức thẻ 50.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà H đã thực hiện các giao dịch. Đến ngày 20/01/2012 bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã thông báo chấm dứt quyền sử dụng thẻ trước hạn.

Ngày 15/5/2023, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký. Với tổng số tiền 323.976.059 đồng (theo bảng kê tính lãi đến ngày 25/4/2023); trong đó nợ gốc là 57.087.322 đồng và lãi quá hạn là 266.888.737 đồng.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà H, tuy nhiên bà H không có mặt tham gia tố tụng.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là bản phô tô; Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 47/2023/QĐ-CCTLCC ngày 11/7/2023 về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP Á cung cấp bản gốc giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của khách hàng Nguyễn Thị H tại Ngân hàng TMCP Á, để Tòa án có cơ sở trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà H trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng. Tuy nhiên, Ngân hàng không cung cấp được các tài liệu mà Toà án đã yêu cầu.

Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy chưa có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Á; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 220; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền 323.976.059 đồng. (Trong đó nợ gốc là 57.087.322 đồng và tiền lãi là 266.888.737 đồng tính đến ngày 25/4/2023) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ, bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A kể từ ngày 26/4/2023 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á phải chịu 16.198.803 đồng (*Mười sáu triệu một trăm chín mươi tám ngàn tám trăm lẻ ba đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 8.099.401 đồng (*Tám triệu không trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm linh một đồng)* tạm ứng án phí do Ngân hàng TMCP Á đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002766 ngày 13/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Sau khi khấu trừ ngân hàng TMCP Á còn phải tiếp tục nộp số tiền

8.099.000 đồng (*Tám triệu không trăm chín mươi chín ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số AA/2023/0010215 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm